

SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TP. HCM
TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẠI VIỆT TP. HỒ CHÍ MINH

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
HỆ TRUNG CẤP CHÍNH QUY**
(Áp dụng cho khóa 24)

NGÀNH
XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ CÔNG NGHIỆP
MÃ NGÀNH: 5580202

TP. Hồ Chí Minh, năm 2024

Số: 11.../QĐ-ĐV-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo
Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp - Trình độ đào tạo Trung cấp chính quy
Khóa 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP ĐẠI VIỆT TP. HCM

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Biên bản số 02/BB-ĐV-ĐT ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Phòng Đào tạo - CTHSSV Trường Trung cấp Đại Việt Thành phố Hồ Chí Minh về việc họp Hội đồng thông qua chương trình đào tạo hệ trung cấp năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo - Công tác HSSV,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp - Trình độ đào tạo Trung cấp chính quy, khóa 2024, (đính kèm chương trình đào tạo).

Điều 2. Các Trưởng/Phó phòng, Khoa, Tổ bộ môn và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như Điều 2 (để th/hiện);
- Lưu VT, Phòng ĐT-CTHSSV.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Thị Bích Thảo

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo quyết định số: 19./QĐ-ĐV-ĐT ngày 05 tháng 7 năm 2024
của Hiệu trưởng trường Trung cấp Đại Việt TP. Hồ Chí Minh)

Ngành, nghề	: Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Mã ngành, nghề	: 5580202
Trình độ đào tạo	: Trung cấp
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương; Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương, học thêm phần văn hoá phổ thông theo quy định Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và theo đề án tuyển sinh riêng của trường.
Thời gian khóa học	: 18 tháng (04 học kỳ)

1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Xã hội ngày càng phát triển kéo theo nhu cầu về việc nâng cấp cơ sở hạ tầng, xây dựng các công trình dân dụng ngày càng trở nên cấp thiết. Do đó công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực cho ngành này được quan tâm và chú trọng hơn bao giờ hết.

Xây dựng dân dụng và Công nghiệp là ngành chuyên khảo sát thiết kế, thi công, khai thác và quản lý các công trình phục vụ trực tiếp cho các ngành kinh tế khác nhau và phục vụ dân sinh như: nhà ở, văn phòng làm việc, nhà hàng, khách sạn,...; nhà xưởng, nhà kho, các công trình giao thông, thủy lợi, công cộng.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp được thiết kế để đào tạo các kỹ thuật viên trình độ trung cấp có đạo đức, có phẩm chất chính trị, có sức khỏe, có kiến thức và kỹ năng chuyên môn tương ứng để đáp ứng được các yêu cầu nhân lực cho ngành xây dựng. Về năng lực chuyên môn, người học có đủ kiến thức và kỹ năng để tìm việc làm, đồng thời có khả năng tự học, tự nghiên cứu tiếp thu các thành tựu của khoa học giáo dục hoặc học liên thông lên các bậc học cao hơn để đáp ứng yêu cầu phát triển của bản thân, của khoa học giáo dục của nền kinh tế xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về dự toán, vẽ kỹ thuật, cấu tạo và thi công công trình xây dựng.

- Áp dụng những kiến thức cơ sở và chuyên môn đã học để tính dự toán, thiết kế các bản vẽ kỹ thuật và tính kết cấu cho công trình.

2.2.2. Về kỹ năng

- Triển khai thiết kế các công trình dân dụng có quy mô vừa và nhỏ.
- Tổ chức chỉ đạo và thi công các công trình xây dựng.
- Chỉ đạo toàn bộ công tác kỹ thuật từ khâu chuẩn bị xây dựng, xây dựng nghiệm thu bàn giao và bảo hành sau xây dựng đối với từng hạng mục công trình, các công trình quy mô nhỏ.
- Sử dụng được các thiết bị định hình để thiết kế công trình có quy mô nhỏ.
- Điều hành mọi công việc trong tổ theo cơ chế mới hạch toán kinh doanh.

2.2.3. Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm

- Rèn luyện đức tính và tác phong: Chăm thận, chính xác, trung thực;
- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
- Có ý thức trách nhiệm trong công việc, trong sử dụng, bảo quản tài sản trong doanh nghiệp.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc tại các doanh nghiệp xây dựng, công ty tư vấn xây dựng, các cơ quan quản lý xây dựng và các cơ sở đào tạo công nhân nghề xây dựng.

Một số cơ quan cụ thể: Sở xây dựng, các Công ty Tư vấn Thiết kế, Công ty Xây dựng, Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Ban Quản lý dự án, Sở Khoa học Công nghệ - Môi trường, Sở Tài chính - Vật giá, các ngân hàng đầu tư, các chương trình dự án xây dựng đầu tư phát triển.

4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 1245 (giờ/ĐVHT)
- Số lượng môn học, mô đun: 21 môn học
- Khối lượng học tập các môn học chung: 270 (giờ/ĐVHT)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 975 (giờ/ĐVHT)
- Khối lượng lý thuyết: 333 (giờ/ĐVHT); thực hành, thực tập: 853 (giờ/ĐVHT);
thời gian thi và kiểm tra: 59 (giờ/ĐVHT)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Áp dụng các kiến thức về chính trị, pháp luật
2	NLCB-02	Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản
3	NLCB-03	Sử dụng Tiếng Anh giao tiếp cơ bản
4	NLCB-04	Áp dụng các kiến thức về An ninh, Quốc phòng

NH V
T
TR
D
TH
H
7/1 Q

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
5	NLCB-05	Duy trì sức khoẻ
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
3	NLCL-01	Nắm rõ các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực xây dựng
4	NLCL-02	Có khả năng thiết kế, giám sát thi công công trình
5	NLCL-03	Phân loại được các loại công trình như trường học, xí nghiệp, nhà ở xã hội, các công trình lớn khác,...
6	NLCL-04	Nắm rõ quy trình xây dựng một công trình cụ thể
7	NLCL-05	Đưa ra được các giải pháp tối ưu trong quá trình thiết kế xây dựng
8	NLCL-06	Nắm được kiến thức về An toàn lao động và thực hiện được kỹ thuật An toàn lao động trong môi trường lao động.
9	NLCL-07	Hiểu về kiến thức trắc địa và cấu tạo kiến trúc
10	NLCL-08	Thực hiện Kỹ thuật thi công và tổ chức thi công công trình xây dựng và công nghiệp.
11	NLCL-09	Thực hiện thực tập cơ bản về nền, móng, cốt pha, cốt thép và máy xây dựng
III Năng lực nâng cao		
12	NLNC-01	Biết thêm ngoại ngữ để có thể hợp tác với các công trình nước ngoài
13	NLNC-02	Nắm được phần mềm và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực này như : trắc địa, thủy lực, kết cấu công trình, sức bền vật liệu, cơ lưu chất, kết cấu nhà cao tầng...;
14	NLNC-03	Tính toán, đo đạc, thi công, đòi hỏi phải có sức khỏe tốt

XÃ HỘI
 ỜNG
 3 CẤP
 VIỆT
 H PH
 Í MII
 * H

6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/Kiểm tra
I	Các môn học chung					

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
01001	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	02
01002	Pháp luật	2	30	18	10	02
01003	Tin học	2	45	15	29	01
01004	Tiếng Anh	4	90	30	56	04
01005	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	03
01006	Giáo dục thể chất	1	30	04	24	02
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở					
0100607	AutoCad	2	45	15	28	02
0100608	Vẽ kỹ thuật	2	45	15	28	02
0100609	Vật liệu xây dựng	2	45	15	28	02
0100610	Kỹ thuật điện	2	45	15	28	02
0100611	An toàn lao động	2	45	15	28	02
II.2	Môn học, mô đun chuyên ngành					
0100612	Trắc địa	2	45	15	28	02
0100613	Cấu tạo kiến trúc	3	75	15	55	05
0100614	Kết cấu thép	3	75	15	57	03
0100615	Kỹ thuật thi công	3	75	15	57	03
0100616	Thực tập cơ bản về nền, móng, cốt pha, cốt thép và máy xây dựng	2	60	00	55	05
0100617	Thực tập kỹ thuật viên	2	60	00	55	05
0100618	Tổ chức thi công	2	45	15	28	02
0100619	Thực tập tốt nghiệp	5	225	00	225	00

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số ĐVHT	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
II.3	Môn học, mô đun tự chọn (Chọn 1 trong 2 môn)					
0100620	Dự toán công trình và BTL dự toán	3	45	40	00	05
0100621	Quản trị kinh doanh xây dựng	3	45	40	00	05
Tổng cộng		51	1245	333	853	59
III	Thi tốt nghiệp					
TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi		Ghi chú	
1	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Viết	180 phút			
2	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành	Từ 20-30 phút/HS			

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Các môn học chung nhà trường

Đối với xây dựng thời gian đào tạo 06 môn học chung, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng đối với trình độ cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công văn số 15670/SLĐTBXH-GDNN ngày 17/5/2021 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP. HCM. Cụ thể:

Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định Chương trình, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục Quốc phòng và An ninh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/09/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; và Công văn số 15670/SLĐTBXH-GDNN ngày 17/05/2021 của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP. HCM về việc tiếp tục đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở Giáo dục Nghề nghiệp;

Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

7.2. Xác định nội dung và thời gian dành cho khóa học

* Về giờ học:

- | | |
|--|-----------|
| - 1 giờ học lý thuyết | = 45 phút |
| - 1 giờ học thực hành/tích hợp/TT lâm sàng | = 60 phút |
| - 1 ĐVHT lý thuyết | = 15 giờ |
| - 1 ĐVHT thực hành (tại phòng thực hành, thảo luận,..) | = 30 giờ |
| - 1 ĐVHT thực hành (tại công ty, doanh nghiệp, bệnh viện, ...) | = 45 giờ |

Một ngày học thực hành/tích hợp không quá 8 giờ. Một ngày học lý thuyết không quá 6 giờ. Mỗi tuần học không quá 40 giờ thực hành/tích hợp hoặc 30 giờ lý thuyết.

* Tổ chức dạy/học lý thuyết và thực hành cơ bản/cơ sở được tiến hành tại trường, thực tập thực tế ngành được tiến hành tại các cơ sở ngoài trường;

* Những nội dung khác thực hiện theo Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ;

* Sau mỗi năm học hoặc sau mỗi khóa học, Nhà trường sẽ lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh đề cương chi tiết môn học/học phần.

7.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra và cách tính điểm

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo, kiểm tra đánh giá chất lượng, hiệu quả dạy học sẽ chuyển từ kiểm tra đánh giá linh hoạt khái niệm sang kiểm tra đánh giá quá trình nhận thức thể hiện ở sự hiểu và khả năng vận dụng kiến thức cơ bản vào thực tiễn. Đồng thời kiểm tra hệ thống kỹ năng cần thiết, kiểm tra nhận thức, thái độ và góp phần phát triển tình cảm nghề nghiệp.

XÃ
HƯỚNG
NG C
I VI
NH I
CHÍ I
S *

* Cách tính điểm TBC kiểm tra: trọng số 0,4.

Trong đó:

(1). Điểm kiểm tra thường xuyên: Hệ số 1.

(2). Điểm kiểm định kỳ: Hệ số 2.

→ Điểm TB điểm kiểm tra = $[\text{Điểm hệ số 1} + (\text{Điểm hệ số 2} \times 2)] / \text{tổng hệ số}$

Điểm TB điểm kiểm tra đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5.0 trở lên.

* Điểm thi kết thúc môn: Trọng số 0,6

* Cách tính điểm TB môn:

Điểm TB môn học bao gồm điểm trung bình các điểm kiểm tra có trọng số 0,4 và điểm thi kết thúc môn học có trọng số 0,6.

→ Điểm TB môn = $[\text{Điểm TB điểm kiểm tra} \times 0,4] + [\text{Điểm thi kết thúc môn} \times 0,6]$

Điểm TB môn học đạt yêu cầu khi có điểm theo thang điểm 10 đạt từ 5.0 trở lên.

Ghi chú: Học sinh sinh viên (HSSV) được dự thi kết thúc môn học, khi bảo đảm các điều kiện sau:

- Tham dự ít nhất 80% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, bài học thực hành, thực tập và các yêu cầu của môn học;

- Điểm trung bình chung các điểm kiểm tra đạt từ 5,0 điểm trở lên theo thang điểm 10.

7.4. Ôn thi, thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

Học sinh phải học hết chương trình đào tạo ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp và tích lũy đủ số học phần trong chương trình mới được thi tốt nghiệp. Khoa Kỹ thuật công nghệ có trách nhiệm tổ chức ôn thi tốt nghiệp theo quy định của Nhà trường.

Căn cứ vào kết quả tích lũy học phần của học sinh, Nhà trường xét đủ điều kiện quyết định công nhận tốt nghiệp cho học sinh.

Căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường cấp bằng tốt nghiệp cho học sinh.



**SƠ ĐỒ MỐI LIÊN HỆ VÀ TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO
CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Tên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Mã ngành: 5580202

Trình độ: Trung cấp

